



zhì rè

炙热

adjective · scorching hot; blazing

Example Sentence

Xià tiān de tài yáng zhì rè wú bǐ
夏天的太阳炙热无比。

The summer sun is extremely scorching.

Trace each character, then write the word on your own.

炙	炙	炙	炙	炙	炙	炙	炙	炙	炙	炙

热	热	热	热	热	热	热	热	热	热	热
热	热									
